

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI



**TẬP 1: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT  
CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN PHƯƠNG TIỆN  
THỦY TÌM KIẾM, CỨU NẠN; CÔNG TÁC PHỐI HỢP  
TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN BIỂN**

Hà Nội, năm 2025

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Giới thiệu chung

Định mức này quy định về công tác bảo dưỡng thường xuyên phương tiện thủy tìm kiếm, cứu nạn: hàng ngày; tại bến; kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ tìm kiếm, cứu nạn trên biển và quy định định mức công tác phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

### 2. Căn cứ xây dựng định mức

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 02 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển;
- Thông tư 29/2022/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải;
- Các quy trình huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển và các quy định của pháp luật có liên quan.

### 3. Giải thích từ ngữ

Trong Định mức này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tìm kiếm, cứu nạn: được viết tắt là TKCN.
- Trung tâm: là Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam.
- Đơn vị: là Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải khu vực.
- Kinh tế - kỹ thuật: được viết tắt là KT-KT.
- Phương tiện thủy TKCN là phương tiện tham gia hoạt động TKCN hàng hải do Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải Việt Nam quản lý, sử dụng bao gồm:
  - + Tàu TKCN chuyên dùng: gồm Tàu SAR411, Tàu SAR412, Tàu SAR413, Tàu SAR272, Tàu SAR273, Tàu SAR274, Tàu SAR 27-01;
  - + Tàu, ca nô chuyên dùng khác: là các phương tiện thủy TKCN của Trung tâm hoạt động cách bờ hoặc nơi trú ẩn  $\leq 20$  hải lý bao gồm tàu Cứu nạn 06, tàu

CN-02, ca nô CN-01, ca nô CN-03, tàu SAR 69, ca nô CN01-TSA, ca nô CN02-TSA.

- Chuẩn bị máy: là quá trình khởi động động cơ máy chính và khởi động động cơ lai máy phát điện (ở chế độ không tải).

- Nghỉ máy: là quá trình giảm vòng quay hoạt động của động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện (ở chế độ không tải) để chuyển dần về trạng thái dừng hoạt động.

- Chạy máy tại bến: là quá trình động cơ máy chính hoạt động không lai chân vịt.

- Ma nơ: là quá trình điều động phương tiện thủy TKCN ra, vào vị trí neo đậu, tiếp cận mục tiêu, giữ hướng tàu khi làm nhiệm vụ.

- Tiếp cận mục tiêu: là quá trình điều động phương tiện thủy TKCN tiếp cận đối tượng bị nạn.

- Hành trình trên luồng: là quá trình di chuyển của phương tiện thủy TKCN trên luồng.

- Hành trình trên biển: là quá trình di chuyển của phương tiện thủy TKCN trên biển.

- Hành trình tìm kiếm mục tiêu: là quá trình di chuyển của phương tiện thủy TKCN trong vùng TKCN.

- Hành trình chế độ đặc biệt: là quá trình di chuyển của phương tiện thủy TKCN trong tình huống công tác TKCN khẩn cấp hoặc tình huống nguy cấp trong quá trình di chuyển, và sử dụng trong quá trình thực hiện công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ tìm kiếm, cứu nạn trên biển.

- Chạy máy phát điện phục vụ sinh hoạt: là chạy máy phát điện phục vụ cho toàn bộ hoạt động sinh hoạt trên tàu.

- Chạy bơm cứu hỏa sự cố: là hoạt động phục vụ chữa cháy đối với các đối tượng bị cháy trên biển trong quá trình TKCN hoặc trong quá trình huấn luyện, hợp luyện liên quan đến nội dung chữa cháy.

- Neđm: là công suất định mức của máy theo quy định của nhà sản xuất (hp hoặc kW).

- Pmax: là công suất cực đại của máy phát điện (kW).

- Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN hàng ngày: là các công việc do thuyền viên thực hiện để bảo quản, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị gồm: thiết bị nghi khí hàng hải; thiết bị thông tin liên lạc; các thiết bị, máy móc trên mặt boong; các động cơ, các bơm trong buồng máy; các bảng điện chính, phụ trong buồng máy; các thiết bị, máy móc khác theo kế hoạch.

- Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN tại bến: là hoạt động chạy động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện và các trang thiết bị khác khi phương tiện

neo đậu tại bến; rửa phương tiện thủy TKCN bằng nước ngọt tại bến sau mỗi chuyến hoạt động trên biển.

- Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển: là hoạt động bảo dưỡng thường xuyên, được thực hiện trên biển kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ chuyên môn TKCN hàng hải.

- Công tác hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển: là hoạt động huấn luyện nghiệp vụ TKCN trên biển khi có 02 phương tiện thủy trở lên cùng tham gia thực hiện theo một kịch bản huấn luyện.

- Công tác phối hợp TKCN trên biển: là việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để xác định vị trí người, phương tiện bị nạn và cứu người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng của họ, bao gồm cả tư vấn biện pháp y tế ban đầu hoặc các biện pháp khác để đưa người bị nạn đến vị trí an toàn.

- Công tác chốt chặn: là hoạt động sử dụng tàu TKCN chuyên dùng thường trực tại các vùng biển có nguy cơ xảy ra các sự cố, tai nạn hàng hải.

- Công tác ứng trực sự cố thiên tai: là hoạt động bố trí tàu TKCN chuyên dùng thường trực tại những khu vực xung yếu để sẵn sàng tham gia hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu.

- Công tác thường trực TKCN: là hoạt động thu nhận, xử lý thông tin báo nạn nhận được và tổ chức, điều hành lực lượng hoạt động TKCN và duy trì liên tục 24/7, bao gồm:

+ Trực ban nghiệp vụ: là hoạt động nghiệp vụ chuyên môn trong việc thu nhận thông tin báo nạn và xử lý thông tin báo nạn, tổ chức, điều hành lực lượng hoạt động TKCN và các nhiệm vụ khác được giao;

+ Trực chỉ huy: là hoạt động nghiệp vụ để xử lý thông tin báo nạn nhận được và tổ chức, điều hành lực lượng hoạt động TKCN.

#### **4. Phạm vi áp dụng định mức**

Định mức này được áp dụng để lập kế hoạch, dự toán và thanh quyết toán chi phí phục vụ hoạt động phối hợp TKCN trên biển.

#### **5. Đối tượng áp dụng định mức**

Định mức này áp dụng đối với Cục Hàng hải Việt Nam, Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải.

#### **6. Nội dung định mức**

**6.1. Định mức KT-KT công tác bảo dưỡng thường xuyên phương tiện thủy TKCN**

**6.1.1. Định mức công tác bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN hàng ngày**

Định mức này quy định mức hao phí vật tư, vật liệu để thực hiện công việc bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị hàng ngày.

### ***6.1.2. Định mức bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN tại bến***

Định mức này quy định số lần thực hiện, thời gian hoạt động, mức công suất khai thác phục vụ hoạt động chạy động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện và các trang thiết bị khác khi phương tiện neo đậu tại bến; và hao phí vật tư nước ngọt rửa phương tiện thủy TKCN sau mỗi chuyến hoạt động trên biển.

### ***6.1.3. Định mức bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển***

Định mức này quy định số lần thực hiện, thời gian hoạt động, mức công suất khai thác tại các chế độ hoạt động của động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện, các trang thiết bị khác và vận tốc của phương tiện thủy TKCN khi hoạt động bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển.

## **6.2. Định mức KT-KT công tác phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển**

### ***6.2.1. Định mức hoạt động TKCN đối với phương tiện thủy TKCN***

Định mức này quy định thời gian hoạt động, mức công suất khai thác, vận tốc của phương tiện thủy TKCN phục vụ hoạt động phối hợp TKCN trên biển.

### ***6.2.2. Định mức công tác thường trực phối hợp TKCN***

Định mức này quy định công tác thường trực phối hợp TKCN quy định số ca trực và số người trong mỗi ca trực của công tác thường trực phối hợp TKCN.

## CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

### 1. Quy trình bảo dưỡng thường xuyên phương tiện thủy tìm kiếm, cứu nạn

#### 1.1. Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN hàng ngày

Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN hàng ngày được thực hiện như sau:

- Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu, trang bị bảo vệ cá nhân (bảo hộ lao động);
- Kiểm tra tình trạng hoạt động chung của các máy móc, trang thiết bị;
- Vệ sinh, gõ rỉ, sơn dặm, tra dầu mỡ... vào các chi tiết (nếu cần thiết);
- Thay thế các chi tiết bị hư hỏng (công tắc, ổ cắm, bóng đèn...);
- Thu dọn dụng cụ, vật liệu sau khi kiểm tra;
- Ghi chép nhật ký.

#### 1.2. Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN tại bến

Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN tại bến được thực hiện bao gồm các công việc bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN hàng ngày và bổ sung thêm các công việc sau:

- Khởi động động cơ máy chính, máy phát điện và các trang thiết bị khác;
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật ở chế độ tại bến;
- Tắt động cơ máy chính, máy phát điện và các trang thiết bị khác;
- Rửa phương tiện thủy TKCN bằng nước ngọt tại bến sau mỗi chuyến hoạt động trên biển.

#### 1.3. Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển

Bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển được thực hiện bao gồm các công việc bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN hàng ngày và bổ sung thêm các công việc sau:

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật tại chế độ hoạt động của động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện, thiết bị thông tin liên lạc, nghi khí hàng hải và các trang thiết bị khác trong quá trình huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển gồm:

- + Chuẩn bị máy;
- + Ma nơ rời cầu;
- + Các chế độ hành trình (chạy trên luồng và trên biển, chế độ đặc biệt, tìm kiếm mục tiêu, ma nơ tiếp cận mục tiêu);
- Vệ sinh, tra dầu mỡ, siết bu lông, ... các chi tiết máy móc, trang thiết bị trong quá trình huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển;

- Thay thế các chi tiết bị hư hỏng (công tắc, ổ cắm, bóng đèn...);
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật của máy xuồng cấp cứu, vệ sinh, tra dầu mỡ, siết bu lông vào các chi tiết của xuồng và cầu xuồng trong quá trình nâng hạ xuồng.

## **2. Quy trình phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển**

### **2.1. Công tác phối hợp TKCN trên biển**

Công tác phối hợp TKCN trên biển thực hiện như sau:

- Chuẩn bị máy: Khởi động động cơ máy chính, máy phát điện, các trang thiết bị hàng hải và các trang thiết bị khác;
- Ma nơ rời cầu;
- Hành trình chạy trong luồng và trên biển đến vị trí tàu, người bị nạn;
- Tiến hành hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển:
  - + Hành trình ở chế độ đặc biệt (nếu có);
  - + Hành trình tìm kiếm mục tiêu;
  - + Ma nơ: tiếp cận mục tiêu;
  - + Hạ xuồng cấp cứu, tiếp cận tàu, người bị nạn;
  - + Xuồng cấp cứu đưa người bị nạn về vị trí an toàn (tàu hoặc bờ);
- Hành trình chạy trên biển và trong luồng từ vị trí tàu, người bị nạn về cầu cảng;
- Ma nơ cập cầu;
- Kiểm tra, tắt máy.

### **2.2. Công tác thường trực phối hợp TKCN**

Công tác thường trực phối hợp TKCN là các hoạt động thu nhận, xử lý thông tin báo nạn nhận được và tổ chức, điều hành lực lượng hoạt động TKCN.

Công tác thường trực phối hợp TKCN thực hiện như sau:

- Tiếp nhận thông tin, xác minh thông tin, xử lý thông tin, xử lý kết quả xác minh thông tin (báo nạn giả, nạn thật);
- Lập kế hoạch TKCN: theo dõi, phối hợp, cập nhật bổ sung thông tin để triển khai kế hoạch; báo cáo tới các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để thực hiện công tác phối hợp TKCN;
- Triển khai hoạt động TKCN;
- Theo dõi, nắm bắt hoạt động TKCN, tiếp nhận các thông tin liên quan trong suốt quá trình TKCN.

## CHƯƠNG III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

### 1. Định mức KT-KT công tác bảo dưỡng thường xuyên phương tiện thủy TKCN

#### 1.1. Định mức công tác bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN hàng ngày

Định mức KT-KT vật tư phục vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên phương tiện thủy TKCN trong một năm được tính bằng tỷ lệ % chi phí vật liệu chính (nhiên liệu) của các công tác bảo dưỡng tại bến, bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện trên biển và công tác chốt chặn, tỷ lệ % được quy định tại Bảng mức 1:

**Bảng mức 1:**

*Đơn vị tính: 01 tàu/năm hoặc 01 ca nô/năm*

STT	Loại phương tiện	Định mức (%)
1	Tàu SAR411, SAR412, SAR413	4,5
2	Tàu SAR 27-01, SAR272, SAR273, SAR274	3,5
3	Tàu Cứu nạn 06	15
4	Tàu CN-02	15
5	Ca nô CN-01	15
6	Ca nô CN-03	15
7	Tàu SAR 69	15
8	Ca nô CN01-TSA	15
9	Ca nô CN02-TSA	15

*Ghi chú: Vật liệu phục vụ bảo dưỡng hàng ngày bao gồm: Sơn, dung môi, chổi lăn sơn, dây nylon, dây điện, dây thừng, dây buộc tàu, cáp thép, búa gõ rỉ, mỡ bảo dưỡng, đá cắt, đá mài... (không bao gồm các vật tư phục vụ hoạt động bảo dưỡng, sửa phương tiện thủy TKCN theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia).*

#### 1.2. Định mức bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN tại bến

##### 1.2.1. Định mức bảo dưỡng tàu TKCN chuyên dùng

###### a. Định mức số lần bảo dưỡng

- Định mức số lần bảo dưỡng tại bến: 03 ngày/lần.
- Định mức số lần chạy kiểm tra tình trạng kỹ thuật bơm cứu hỏa sự cố, cứu đắm độc lập: 04 lần/tháng.

###### b. Định mức công suất và thời gian hoạt động

- Định mức công suất và thời gian hoạt động tại bến của động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện và các bơm được quy định tại Bảng mức 2:



**Bảng mức 2:***Đơn vị tính: 01 tàu/lần*

STT	Chế độ hoạt động	Mức công suất hoạt động (kW)			Thời gian hoạt động (giờ)
		Tàu SAR 27-01	Tàu SAR 272, SAR273, SAR274	Tàu SAR 411, SAR412, SAR413	
1	Động cơ máy chính	200	128	245	0,5
2	Động cơ lai máy phát điện	35	45	50	0,5
3	Các loại bơm				
-	Bơm cứu đắm độc lập	30			0,5
-	Bơm cứu hỏa sự cố		3,1	3,1	0,5

*Ghi chú:*

- Lần bảo dưỡng tại bến được tính từ thời điểm phương tiện thủy TKCN kết thúc hoạt động TKCN đột xuất hoặc các hoạt động khác (tàu cập cầu).

- Trong trường hợp có sự thay đổi hoặc bổ sung bơm cứu hỏa sự cố, bơm cứu đắm độc lập thì định mức công suất khai thác theo thực tế và thời gian hoạt động được áp dụng theo Bảng mức này.

**1.2.2. Định mức bảo dưỡng tàu, ca nô chuyên dùng khác****a. Định mức số lần bảo dưỡng tại bến: 04 lần/tháng.****b. Định mức công suất và thời gian hoạt động**

- Định mức công suất hoạt động: 25% Neđm.

- Định mức thời gian hoạt động: 0,5 giờ/lần.

*Ghi chú: Lần bảo dưỡng tại bến được tính từ thời điểm phương tiện thủy TKCN kết thúc hoạt động TKCN đột xuất hoặc các hoạt động khác (tàu cập cầu).*

**1.2.3. Định mức nước ngọt rửa phương tiện thủy TKCN**

Định mức vật tư nước ngọt rửa phương tiện thủy TKCN được quy định tại Bảng mức 3:

**Bảng mức 3:***Đơn vị tính: 01 tàu/lần hoặc 01 ca nô/lần*

STT	Loại phương tiện	Đơn vị tính	Định mức
1	Tàu SAR 41m (SAR411, SAR412, SAR413)	m <sup>3</sup>	2,5
2	Tàu SAR 27-01, SAR 27m (SAR272, SAR273, SAR274)	m <sup>3</sup>	1,5
3	Tàu Cứu nạn 06	m <sup>3</sup>	0,8

STT	Loại phương tiện	Đơn vị tính	Định mức
4	Tàu CN-02	m3	0,8
5	Ca nô CN-01	m3	0,8
6	Ca nô CN-03	m3	0,8
7	Tàu SAR 69	m3	0,8
8	Ca nô CN01-TSA	m3	0,8
9	Ca nô CN02-TSA	m3	0,8

*Ghi chú: Định mức nước ngọt để sử dụng rửa phương tiện thủy TKCN được áp dụng sau mỗi chuyến tàu kết thúc hoạt động trên biển.*

### **1.3. Định mức KT-KT bảo dưỡng phương tiện thủy TKCN kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển**

#### **1.3.1. Đối với tàu TKCN chuyên dùng**

##### **a. Định mức số lần bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện trên biển**

- Định mức số lần bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện nghiệp vụ TKCN trên biển: tối đa 03 lần/tháng.

- Định mức số lần bảo dưỡng kết hợp trong công tác hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển: tối đa 02 lần/năm.

*Ghi chú: Trường hợp trong tháng phương tiện thủy TKCN đã tham gia hoạt động TKCN đột xuất trước thời điểm quy định bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện tại Kế hoạch thì không tiến hành chuyến bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện của lần gần nhất theo kế hoạch của tháng đó nữa.*

##### **b. Định mức công suất, thời gian hoạt động tại các chế độ hoạt động của động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện, xuồng cấp cứu và vận tốc của phương tiện thủy TKCN khi thực hiện chạy bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển**

Định mức công suất, thời gian hoạt động tại các chế độ hoạt động của động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện và vận tốc của phương tiện thủy TKCN khi thực hiện chạy bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển được quy định tại Bảng mức 4:

**Bảng mức 4:***Đơn vị tính: 01 tàu*

STT	Chế độ hoạt động	Tàu SAR411, SAR412, SAR413		Tàu SAR272, SAR273, SAR274		Tàu SAR 27-01		Thời gian hoạt động (giờ/lần)
		Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	
<b>I</b>	<b>Động cơ máy chính</b>							
1	Chuẩn bị máy	245		128		200		0,1
2	Ma nơ rời vị trí neo đậu	546		302		400		0,25
3	Hành trình trên luồng	882	8	522	8	680	5	Theo thực tế
4	Hành trình trên biển	3732	19	1431	14	1751	14	Theo thực tế
5	Hành trình chế độ đặc biệt							
5.1	Tại mức công suất khai thác 95% Neđm	4408	23	1672	17	1957	15	0,25
5.2	Tại mức công suất khai thác 100%Neđm (*)	4640	26	1760	19	2060	15	0,25
6	Hành trình tìm kiếm mục tiêu	2466	15	883	10	1468	9	1,0
7	Ma nơ tiếp cận mục tiêu	546		302		400		0,5
8	Ma nơ cập vị trí neo đậu	546		302		400		0,5
9	Nghi máy	245		128		200		0,1
<b>II</b>	<b>Động cơ lai máy điện</b>	<b>Mức công suất khai thác (kW)</b>		<b>Mức công suất khai thác (kW)</b>		<b>Mức công suất khai thác (kW)</b>		<b>Thời gian hoạt động (giờ/lần)</b>
1	Chuẩn bị máy	50		45		35		0,1
2	Ma nơ rời vị trí neo đậu	60		55		40		0,25
3	Hành trình trên luồng	55		50		35		Theo thực tế
4	Hành trình trên biển	55		50		35		Theo thực tế
5	Hành trình tìm kiếm mục tiêu	55		50		35		1,0
6	Chạy hành trình kiểm tra, chạy bảo dưỡng kho bảo quản thi thể	65		55				0,5

7	Chạy bơm cứu hỏa do máy phát điện lai	60	24,5		0,5
8	Ma nơ tiếp cận mục tiêu	60	55	40	0,5
9	Ma nơ cập vị trí neo đậu	60	55	40	0,5
10	Nghỉ máy	50	45	35	0,1
11	Chạy máy phát điện phục vụ sinh hoạt (**)	40	35	30	
<b>III</b>	<b>Động cơ máy chính (Xuồng cấp cứu)</b>	<b>Mức công suất khai thác (% Neđm)</b>	<b>Mức công suất khai thác (% Neđm)</b>	<b>Mức công suất khai thác (% Neđm)</b>	<b>Thời gian hoạt động (giờ/lần)</b>
1	Hành trình	85	85	85	0,5

**Ghi chú:**

- Định mức tiêu hao nhiên liệu của của phương tiện TKCN hoạt động tại các mức công suất khai thác (%Neđm) nêu tại Bảng mức này được quy định tại Bảng mức 2 của Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu phục vụ hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải - Tập 4.

- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực I: Vị trí huấn luyện, hợp luyện cách cầu cảng tối đa 35 hải lý.
- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực II: Vị trí huấn luyện, hợp luyện cách cầu cảng tối đa 15 hải lý.
- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực III: Vị trí huấn luyện, hợp luyện cách cầu cảng tối đa 30 hải lý.
- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực IV: Vị trí huấn luyện, hợp luyện cách cầu cảng tối đa 15 hải lý.
- Trong trường hợp tàu TKCN chuyên dùng neo đậu tại vị trí khu vực chốt chặn: Vị trí huấn luyện cách khu neo đậu tối đa 15 hải lý.

(\*) Căn cứ vào điều kiện thực tế, tình trạng kỹ thuật của tàu TKCN chuyên dùng để khai thác tại mức công suất này.

(\*\*) Sử dụng điện lưới phục vụ sinh hoạt và các trang thiết bị trong thời gian neo, đỗ tại các khu vực có điện lưới. Trường hợp không có điện lưới thì sử dụng máy phát điện để phục vụ sinh hoạt trong thời gian neo, đỗ bến.

### 1.3.2. Đối với tàu, ca nô chuyên dùng khác

#### a. Định mức số lần bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện trên biển

- Định mức số lần bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện nghiệp vụ TKCN trên biển: tối đa 02 lần/tháng.

- Định mức số lần bảo dưỡng kết hợp trong công tác hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển: tối đa 02 lần/năm.

*Ghi chú: Trường hợp trong tháng phương tiện thủy TKCN đã tham gia hoạt động TKCN đột xuất trước thời điểm quy định bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện theo Kế hoạch thì không tiến hành chuyến bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện theo Kế hoạch của tháng đó nữa.*

#### b. Định mức công suất, thời gian hoạt động tại các chế độ hoạt động của động cơ máy chính và vận tốc của phương tiện thủy TKCN khi thực hiện chạy bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển

- Định mức công suất, thời gian hoạt động tại các chế độ hoạt động của động cơ máy chính và vận tốc của phương tiện thủy TKCN khi thực hiện chạy bảo dưỡng kết hợp trong công tác huấn luyện, hợp luyện nghiệp vụ TKCN trên biển được quy định tại Bảng mức 5:

**Bảng mức 5:**

*Đơn vị tính: 01 tàu hoặc 01 ca nô*

STT	Chế độ hoạt động	Mức công suất khai thác (% Neđm)	Thời gian hoạt động (giờ/lần)		Vận tốc (hải lý/giờ)
			Hoạt động huấn luyện	Hoạt động hợp luyện	
1	Chuẩn bị máy hoặc nghỉ máy	10	0,1	0,1	
2	Hành trình	85	1,0	Theo thực tế	Được quy định tại Bảng mức 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu phục vụ hoạt động phối hợp TKCN - Tập 4
3	Hành trình tìm kiếm mục tiêu	50	1,0	1,0	
4	Ma nơ tiếp cận mục tiêu	25	0,5	0,5	

*Ghi chú:*

- Định mức tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy TKCN hoạt động tại các mức công suất khai thác (%Neđm) nêu tại Bảng mức này được quy định tại Bảng mức 3 của Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu phục vụ hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải - Tập 4.

- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực I: Vị trí hợp luyện cách cầu cảng tối đa 35 hải lý.

- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực II: Vị trí hợp luyện cách cầu cảng tối đa 15 hải lý.

- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực III: Vị trí hợp luyện cách cầu cảng tối đa 30 hải lý.

- Phương tiện neo đậu tại cầu cảng Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực IV: Vị trí hợp luyện cách cầu cảng tối đa 15 hải lý.

## 2. Định mức KT-KT công tác phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển

### 2.1. Định mức KT-KT công tác phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển của tàu TKCN chuyên dùng

Định mức công suất khai thác, thời gian hoạt động của động cơ máy chính, động cơ lai máy phát điện tại các chế độ hoạt động và vận tốc của tàu TKCN chuyên dùng tham gia phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn được quy định tại Bảng mức 6:

**Bảng mức 6:**

*Đơn vị tính: 01 tàu*

STT	Chế độ hoạt động	Tàu SAR411, SAR412, SAR413		Tàu SAR272, SAR273, SAR274		Tàu SAR 27-01		Thời gian hoạt động (giờ/lần)
		Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	
<b>I</b>	<b>Động cơ máy chính</b>							
1	Chuẩn bị máy	245		128		200		0,1
2	Ma nơ rời vị trí neo đậu	546		302		400		0,25
3	Hành trình trên luồng	882	8	522	8	680	5	Theo thực tế
4	Hành trình trên biển	3732	19	1431	14	1751	14	Theo thực tế
5	Hành trình chế độ đặc biệt							
5.1	Tại mức công suất khai thác 95% Neđm	4408	23	1672	17	1957	15	Theo thực tế
5.2	Tại mức công suất khai thác 100% Neđm (*)	4640	26	1760	19	2060	15	Theo thực tế
6	Hành trình tìm kiếm mục tiêu	2466	15	883	10	1468	9	Theo thực tế
7	Ma nơ tiếp cận mục tiêu	546		302		400		Theo thực tế
8	Ma nơ cập vị trí neo đậu	546		302		400		0,25
9	Nghỉ máy	245		128		200		0,1
<b>II</b>	<b>Động cơ lai máy phát điện</b>							
1	Chuẩn bị máy	50	-	45		35		0,1
2	Ma nơ rời vị trí neo đậu	60	-	55		40		0,25
3	Hành trình trên luồng	55		50		35		Theo thực tế

STT	Chế độ hoạt động	Tàu SAR411, SAR412, SAR413		Tàu SAR272, SAR273, SAR274		Tàu SAR 27-01		Thời gian hoạt động (giờ/lần)
		Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	Mức công suất khai thác (kW)	Vận tốc (hải lý/giờ)	
4	Hành trình trên biển	55		50		35		Theo thực tế
5	Hành trình tìm kiếm mục tiêu	55		50		35		Theo thực tế
6	Chạy hành trình có bảo quản thi thể	65		55		-		Theo thực tế
7	Chạy bơm cứu hỏa do máy phát điện lai	60		24,5		-		Theo thực tế
8	Ma nơ tiếp cận mục tiêu	60		55		40		Theo thực tế
9	Ma nơ cập vị trí neo đậu	60		55		40		0,25
10	Nghỉ máy	50		45		35		0,1
11	Chạy máy phát điện phục vụ sinh hoạt (**)	40		35		30		Theo thực tế
<b>III</b>	<b>Động cơ máy chính (Xuồng cấp cứu)</b>	<b>Mức công suất khai thác (% Nedm)</b>		<b>Mức công suất khai thác (% Nedm)</b>		<b>Mức công suất khai thác (% Nedm)</b>		<b>Thời gian hoạt động (giờ/lần)</b>
1	Hành trình	85		85		85		Theo thực tế

*Ghi chú:*

- Định mức tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy TKCN hoạt động tại các mức công suất khai thác (%Nedm) nêu tại Bảng mức này được quy định tại Bảng mức 2 của Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu phục vụ hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải - Tập 4.

- Vận tốc của tàu TKCN chuyên dùng tại các chế độ hoạt động quy định tại Bảng mức này được xác định trong điều kiện sóng cấp 3, gió cấp 4. Đối với các điều kiện cấp sóng, gió khác thì vận tốc được xác định theo điều kiện thực tế.

- Đối với mức công suất khai thác khác tại Bảng mức này thì xác định theo điều kiện thực tế.

(\*) Căn cứ vào điều kiện thực tế, tình trạng kỹ thuật của tàu TKCN chuyên dùng để khai thác tại mức công suất này.

(\*\*) Sử dụng điện lưới phục vụ sinh hoạt và các trang thiết bị trong thời gian neo, đỗ tại các khu vực có điện lưới. Trường hợp không có điện lưới thì sử dụng máy phát điện để phục vụ sinh hoạt trong thời gian neo, đỗ bến.



## 2.2. Định mức KT-KT công tác phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển của tàu, ca nô chuyên dùng khác

Định mức công suất khai thác và thời gian hoạt động tại các chế độ hoạt động của động cơ máy chính của các tàu, ca nô chuyên dùng khác tham gia phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn được quy định tại Bảng mức 7:

**Bảng mức 7:**

*Đơn vị tính: 01 tàu hoặc 01 ca nô*

STT	Chế độ hoạt động	Mức công suất khai thác (%Ned <sub>m</sub> )	Thời gian hoạt động (giờ)	Vận tốc (hải lý/giờ)
1	Chuẩn bị máy	25	0,1	
2	Hành trình trên luồng, trên biển	85	Theo thực tế	Được quy định tại Bảng mức 1 của Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu phục vụ hoạt động phối hợp TKCN - Tập 4
3	Hành trình tìm kiếm mục tiêu	50	Theo thực tế	
4	Ma nơ tiếp cận mục tiêu	25	Theo thực tế	
5	Nghỉ máy	25	0,1	

*Ghi chú:*

- Định mức tiêu hao nhiên liệu của phương tiện thủy TKCN hoạt động tại các mức công suất khai thác (%Ned<sub>m</sub>) nêu tại Bảng mức này được quy định tại Bảng mức 3 của Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu phục vụ hoạt động phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải - Tập 4.

- Đối với mức công suất khai thác khác tại Bảng mức này thì xác định theo điều kiện thực tế.

## 2.3. Định mức công tác thường trực phối hợp TKCN

Công tác thường trực phối hợp TKCN duy trì liên tục 24/7 tại phòng thường trực cứu nạn theo ca trực 03 ca/ngày.

Số người bố trí cho mỗi ca trực được quy định tại Bảng mức 8:

**Bảng mức 8:**

*Đơn vị tính: người/ca*

Nội dung công việc	Trực chỉ huy tại Trung tâm, đơn vị	Trực ban nghiệp vụ tại Trung tâm	Trực ban nghiệp vụ tại đơn vị
Thường trực phối hợp TKCN	01	03	02

*Ghi chú: Thủ trưởng đơn vị có thể bố trí số lượng Trực chỉ huy, Trực ban nghiệp vụ cao hơn định mức nói trên trong trường hợp có vụ việc tìm kiếm cứu nạn nghiêm trọng hoặc phòng chống thiên tai (nếu cần thiết).*